

Số : 37/2016/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 26/2007/NĐ-CP và Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ tin học,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia (sau đây viết tắt là Hệ thống TTLNH) để thực hiện việc thanh toán và quyết toán giữa các đơn vị tham gia hệ thống thanh toán này bằng Đồng Việt Nam (VND), Đô la Mỹ (USD), Đồng tiền chung Châu Âu (EUR) và các loại ngoại tệ khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ.

2. Đối tượng áp dụng:

Là thành viên, đơn vị thành viên, thành viên gián tiếp của Hệ thống TTLNH, đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH, tổ chức chủ trì hệ thống bù trừ có kết nối đến Hệ thống TTLNH, các đơn vị liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thanh toán điện tử liên ngân hàng (viết tắt là TTLNH) là quá trình xử lý các giao dịch thanh toán liên ngân hàng kể từ khi khởi tạo Lệnh thanh toán cho tới khi hoàn tất thực hiện Lệnh thanh toán, được thực hiện qua mạng máy tính.

2. Thành viên trực tiếp (viết tắt là thành viên) là Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước Trung ương tham gia Hệ thống TTLNH.

3. Đơn vị thành viên trực tiếp (viết tắt là đơn vị thành viên) là đơn vị trực thuộc thành viên tham gia Hệ thống TTLNH theo đề nghị của thành viên.

4. Thành viên gián tiếp là đơn vị trực thuộc thành viên, có mã ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước cấp, thực hiện thanh toán thông qua thành viên hoặc đơn vị thành viên.

5. Lệnh thanh toán là một tin điện sử dụng để thực hiện một giao dịch thanh toán trong Hệ thống TTLNH.

6. Người phát lệnh là một tổ chức hoặc cá nhân yêu cầu thành viên, đơn vị thành viên tạo lập Lệnh thanh toán.

7. Người nhận lệnh là một tổ chức hoặc cá nhân nhận Lệnh thanh toán thông qua thành viên, đơn vị thành viên.

8. Khách hàng là Người phát lệnh hoặc là Người nhận lệnh.

9. Người lập Lệnh thanh toán (viết tắt là người lập lệnh) là cá nhân thuộc thành viên, đơn vị thành viên được giao nhiệm vụ thực hiện khởi tạo Lệnh thanh toán.

10. Người kiểm soát Lệnh thanh toán (viết tắt là người kiểm soát lệnh) là kế toán trưởng, phụ trách kế toán hoặc người được ủy quyền của thành viên, đơn vị thành viên thực hiện kiểm soát Lệnh thanh toán.

11. Người duyệt Lệnh thanh toán (viết tắt là người duyệt lệnh) là người có thẩm quyền (người đại diện hợp pháp) của thành viên, đơn vị thành viên; riêng đối với đơn vị thành viên là đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, người duyệt lệnh là Thủ trưởng đơn vị hoặc người được ủy quyền.

12. Người duyệt truyền thông là cá nhân thuộc thành viên, đơn vị thành viên được giao nhiệm vụ truyền, nhận tin điện trong Hệ thống TTLNH.

13. Đơn vị khởi tạo Lệnh thanh toán (viết tắt là đơn vị khởi tạo lệnh) là thành viên hoặc đơn vị thành viên thay mặt cho khách hàng lập và xử lý Lệnh thanh toán (đi).

14. Đơn vị nhận Lệnh thanh toán (viết tắt là đơn vị nhận lệnh) là thành viên hoặc đơn vị thành viên thay mặt khách hàng nhận và xử lý Lệnh thanh toán (đến).

15. Dịch vụ thanh toán giá trị thấp là dịch vụ thuộc Hệ thống TTLNH xử lý các Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng phương thức quyết toán bù trừ.

16. Dịch vụ thanh toán giá trị cao là dịch vụ thuộc Hệ thống TTLNH xử lý các Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng phương thức quyết toán tổng tức thời.

17. Dịch vụ thanh toán ngoại tệ là dịch vụ thuộc Hệ thống TTLNH xử lý các Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ sử dụng phương thức quyết toán tổng tức thời.

18. Lệnh thanh toán Có là Lệnh thanh toán của đơn vị khởi tạo lệnh nhằm ghi Nợ tài khoản của khách hàng mở tại đơn vị khởi tạo lệnh một khoản tiền xác định và ghi Có tài khoản của khách hàng mở tại đơn vị nhận lệnh khoản tiền đó.

19. Lệnh thanh toán Nợ là Lệnh thanh toán của đơn vị khởi tạo lệnh nhằm ghi Nợ tài khoản của khách hàng mở tại đơn vị nhận lệnh một khoản tiền xác định và ghi Có tài khoản của khách hàng mở tại đơn vị khởi tạo lệnh khoản tiền đó.

20. Lệnh thanh toán giá trị thấp là Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam có giá trị nhỏ hơn 500.000.000 VND (Năm trăm triệu đồng), sử dụng dịch vụ

thanh toán giá trị thấp.

21. Lệnh thanh toán giá trị cao là Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao.

22. Lệnh thanh toán ngoại tệ là Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ sử dụng dịch vụ thanh toán ngoại tệ.

23. Tin điện là thông tin điện tử thể hiện nội dung của Lệnh thanh toán hay thông báo liên quan đến giao dịch thanh toán cần thực hiện và được truyền qua mạng máy tính giữa các đơn vị tham gia Hệ thống TTLNH.

24. Mã xác nhận tin điện là ký hiệu của thông tin điện tử về tình trạng của các Lệnh thanh toán trong Hệ thống TTLNH.

25. Quyết toán là việc xác định và thanh toán giá trị cuối cùng giữa các thành viên liên quan để hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

26. Quyết toán tổng tức thời là việc xử lý quyết toán tức thời từng Lệnh thanh toán để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán giữa các thành viên hoặc đơn vị thành viên.

27. Quyết toán kết quả bù trừ giá trị thấp (gọi tắt là quyết toán bù trừ) là việc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán giữa các bên tham gia thanh toán bằng cách bù trừ trực tiếp sau khi đã cân đối giữa tổng các khoản phải thu và tổng các khoản phải trả.

28. Hạn mức nợ ròng là mức giá trị tối đa quy định cho các giao dịch thanh toán giá trị thấp được tham gia quyết toán bù trừ.

29. Đơn vị vận hành Hệ thống TTLNH là đơn vị trực tiếp vận hành Hệ thống TTLNH.

30. Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia (viết tắt là Trung tâm Xử lý Quốc gia - NPSC) là hệ thống trang thiết bị kỹ thuật đặt tại Cục Công nghệ tin học để thực hiện các chức năng của Cấu phần Thanh toán giá trị cao, Cấu phần Thanh toán ngoại tệ, Cấu phần Thanh toán giá trị thấp, Cấu phần Xử lý tài khoản thanh toán và kiểm tra, đối chiếu số liệu.

31. Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia dự phòng (viết tắt là Trung tâm Xử lý Quốc gia dự phòng - BNPS) là hệ thống trang thiết bị kỹ thuật đặt tại Trung tâm dữ liệu dự phòng để thực hiện chức năng dự phòng cho Trung tâm Xử lý Quốc gia.

32. Giá trị của giấy tờ có giá ký quỹ được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc thấu chi và cho vay qua đêm trong TTLNH.

33. Tỷ lệ ký quỹ là tỷ lệ phần trăm (%) giữa giá trị giấy tờ có giá ký quỹ, tiền ký quỹ để thiết lập hạn mức nợ ròng và hạn mức nợ ròng đầu ngày.

34. Dịch vụ quyết toán ròng cho các hệ thống khác là dịch vụ tiếp nhận và xử lý kết quả quyết toán ròng từ Hệ thống bù trừ tự động (ACH), Hệ thống bù trừ thẻ, và các Hệ thống thanh toán bù trừ khác.

Điều 3. Các cấu phần và chức năng chính của Hệ thống TTLNH

1. Hệ thống TTLNH là hệ thống tổng thể gồm: Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia, Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia dự phòng, phần mềm cài đặt tại các thành viên và đơn vị thành viên.

2. Các cấu phần xử lý nghiệp vụ bao gồm: Cấu phần Thanh toán giá trị cao, Cấu phần Thanh toán ngoại tệ, Cấu phần Thanh toán giá trị thấp, Cấu phần xử lý tài khoản thanh toán.

3. Cấu phần Thanh toán giá trị cao thực hiện quyết toán tổng tức thời cho các Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao.

4. Cấu phần Thanh toán ngoại tệ thực hiện quyết toán tổng tức thời cho các Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ sử dụng dịch vụ thanh toán ngoại tệ.

5. Cấu phần Thanh toán giá trị thấp thực hiện thanh toán các Lệnh thanh toán giá trị thấp sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị thấp.

6. Cấu phần xử lý tài khoản thanh toán thực hiện kiểm tra, hạch toán Lệnh thanh toán giá trị cao, Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ, xử lý kết quả bù trừ giá trị thấp và kết quả quyết toán ròng từ các hệ thống khác.

Điều 4. Chứng từ sử dụng trong TTLNH

1. Chứng từ sử dụng trong TTLNH là chứng từ bằng giấy hoặc dưới dạng chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ chứng từ kế toán.

2. Cơ sở để lập Lệnh thanh toán là các chứng từ sử dụng trong TTLNH.

3. Lệnh thanh toán phải được lập dưới dạng chứng từ điện tử theo đúng mẫu, đáp ứng các chuẩn dữ liệu do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

Điều 5. Thanh toán Nợ trong Hệ thống TTLNH

1. Thanh toán Nợ giữa các thành viên không phải là đơn vị Ngân hàng Nhà nước phải có hợp đồng uỷ quyền trước.

2. Thanh toán Nợ giữa các thành viên là đơn vị Ngân hàng Nhà nước với các thành viên không phải là đơn vị Ngân hàng Nhà nước phải có văn bản thỏa thuận trước.

3. Hợp đồng uỷ quyền trước hoặc văn bản thỏa thuận về việc thanh toán